| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 114/2022/HS-PT
Ngày 29 - 4 - 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Huyền.
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Sâm;
Ông Y Phi Kbuôr.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2022/TLPT-HS ngày 10/3/2022 đối với bị cáo Vũ Thị N về tội *"Công nhiên chiếm đoạt tài sản"*, do có kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị cáo bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Vũ Thị N**, sinh năm 1954, tại tỉnh Hà Nam;

Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 04/12; con ông Vũ Văn Châu và bà Hoàng Thị H (đều đã chết); chồng Vũ Quốc D (đã ly hôn) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Những người tham gia tố tụng khác:**

**Bị hại:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**Người làm chứng:**

- Ông Cao Văn H2, sinh năm 1986; trú tại: Thôn 04, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
- Bà Trần Thị Trà G, sinh năm 1980.
- Ông Nguyễn Văn V.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001.

- Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1998.

Cùng trú tại: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Phạm Duy T1, sinh năm 1965; trú tại: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Cao Thị Y, sinh năm 1984.

- Ông Phạm Đình T1, sinh năm 1974.

- Ông Hà Văn T2, sinh năm 1962.

- Anh Nguyễn Hoàng G1, sinh năm 1997.

- Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 2002.

Cùng trú tại: Thôn C, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà G và ông T2 có mặt, những người làm chứng còn lại đều vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3 năm 2021, bà Nguyễn Thị H1 vay của chị Cao Thị Y số tiền 50.000.000 đồng để đầu tư trồng cây mè trên diện tích 3,5ha, khi mượn tiền bà H1 và chị Y có viết giấy thỏa thuận khi thu hoạch mè thì bà H1 sẽ trả số tiền trên và phần lợi nhuận sẽ bàn bạc chia nhau sau. Sáng ngày 23/7/2021 chị Y thuê người vào thu hoạch mè của bà H1 để lấy số tiền nợ là 50.000.000 đồng. Ngoài nợ tiền chị Y thì bà H1 còn nợ tiền Vũ Thị N, sau khi biết được bà H1 có rẫy mè đang thu hoạch tại thôn 9, xã C mặc dù chưa được sự đồng ý của bà H1, bà N đã tự ý thuê chị Trần Thị Trà G và nhờ chị G gọi thêm một số người làm thuê khác đến thu hoạch mè tại rẫy mè của bà H1. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/7/2021 Ngà cùng với chị G và 13 người làm thuê khác đi đến rẫy mè của bà H1. Lúc này có chị Y cùng một số người làm thuê đang thu hoạch mè. Khi thấy bà N, chị G cùng người làm thuê đến thì chị Y có ngăn cản không cho bà N thu hoạch mè của bà H1 nhưng sau đó vẫn để mặc cho bà N thu mè đồng thời gọi điện thoại thông báo cho bà H1 biết sự việc. Chị G cùng người làm thuê thu hoạch mè đến khoảng gần 13 giờ cùng ngày được 08 bao mè hạt thì chị Y không cho thu hoạch nữa. Sau đó bà H1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 173/KL-HĐĐG, ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 193kg mè có giá trị 5.404.000 đồng (Năm triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng).

**Tại Bản án HSST số 01/2022/HSST ngày 25-01-2022 của TAND huyện M'Đrắk đã quyết định:**

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị N phạm tội: "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*".

2. Điều luật và mức hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 172; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị N 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chế định án treo, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/01/2022, bị hại bà H1 kháng cáo với nội dung cho rằng Bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng và Bản án hình sự sơ thẩm đã nêu.

Người bị hại bà H1 giữ nguyên kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét hành vi của bà Trần Thị Trà G và ông Nguyễn Văn V là bỏ lọt tội phạm, đồng thời bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị cáo N, bà G, ông V phải bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Thị N về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp so với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra. Việc bị hại bà Nguyễn Thị H1 cho rằng bỏ lọt hành vi tội phạm của bà Trần Thị Trà G và ông Nguyễn Văn V là không có cơ sở và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 15.000.000đ của người bị hại là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị H1, cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 25-01-2022 của TAND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo, bị hại không tranh luận gì thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Xuất phát từ việc bà H1 có nợ tiền của bị cáo N nên ngày 23/7/2021, tại rẫy mè của bà H1 thuộc thôn C xã C, huyện M, mặc dù chưa được sự đồng ý của bà H1 nhưng bà N đã tự ý thuê người vào rẫy của bà H1 để thu hoạch 193 kg mè nhằm khấu trừ nợ. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.404.000 đồng. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

**[2]** Xét kháng cáo của bị hại, thấy rằng:

**[2.1]** Đối với hành vi của bà G và ông V: Trong quá trình điều tra tại các bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can, lời khai người làm chứng và tại phiên Tòa sơ thẩm đều thể hiện: Bà G là người được bị cáo N gọi điện thoại thuê đồng thời còn nhờ bà G thuê thêm người cùng bà G đến rẫy của bà H1 để thu hoạch mè, sau khi thu hoạch thì chở về nhà bà G phơi bán hộ cho bị cáo N nhằm mục đích trừ nợ của bà H1. Bà G và những người do bà G gọi (trong đó có ông V là chồng bà G) chỉ là những lao động phổ thông được thuê làm công nhật và được trả tiền công. Tại thời điểm được thuê đến khi thu hoạch mè tại rẫy của bà H1 thì bà G, ông V và những người khác được bà G thuê không biết việc bị cáo N thu hoạch mè của bà H1 khi chưa được sự đồng ý của bà H1; bị cáo N cũng không cho bà G, ông V biết việc thu hoạch mè mà không có sự cho phép của bà H1. Do đó, việc bà H1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với bà G, ông V là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

**[2.2]** Xét kháng cáo về yêu cầu bị cáo N, bà G, ông V phải có trách nhiệm bồi thường số mè thất thoát quy ra giá trị bằng tiền 15.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy: Sau khi thu hoạch được 193 kg mè đã được Cơ quan điều tra thu giữ và giao trả lại cho bà H1. Người bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thiệt hại thất thoát do bị cáo, ông V, bà G gây ra, quy giá trị bằng tiền 15.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng đối với số mè bị thất thoát của bà H1 là có căn cứ.

**[3]** Từ những nhận định [1], [2] nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại bà H1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**[4]** Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Do kháng cáo của người bị hại bà H1 đối phần phần trách nhiện dân sự (bồi thường thiệt hại) không được chấp nhận nên cần buộc bà H1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[5]** Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**[1]** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**[2]** Căn cứ khoản 1 Điều 172; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*".

Giao bị cáo Vũ Thị N cho Uỷ ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.*

**[3]** Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã trả 193kg hạt mè cho bị hại bà Nguyễn Thị H1.

Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1 về việc bị cáo Vũ Thị N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

**[4]** Về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

**[5]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Công an huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã E, huyện M;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Thanh Huyền**